

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
TP. HỒ CHÍ MINH

Đơn vị tính: VND

ĐẾN Số: 4867  
Giờ: Ngày 07 tháng 2 năm 13**TÀI SẢN**

|                                               | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>193,071,390,501</b> | <b>247,325,335,376</b> |
| <b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> | <b>V1</b>   | <b>49,860,270,524</b>  | <b>68,186,738,232</b>  |
| 1 Tiền                                        | 111        |             | 14,157,439,736         | 10,418,160,277         |
| 2 Các khoản tương đương tiền                  | 112        |             | 35,702,830,788         | 57,768,577,955         |
| <b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> |             | <b>37,692,832,899</b>  | <b>78,239,269,065</b>  |
| 1 Đầu tư ngắn hạn                             | 121        | V2          | 50,117,189,303         | 83,205,477,609         |
| 2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           | 129        | V3          | (12,424,356,404)       | (4,966,208,544)        |
| <b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>91,329,217,529</b>  | <b>82,538,448,240</b>  |
| 1 Phải thu khách hàng                         | 131        | V4          | 39,915,402,531         | 29,961,805,649         |
| 2 Trả trước cho người bán                     | 132        | V5          | 51,134,848,432         | 51,818,233,956         |
| 3 Phải thu nội bộ ngắn hạn                    | 133        |             | -                      | -                      |
| 4 Phải thu theo tiến độ hợp đồng              | 134        |             | -                      | -                      |
| 5 Các khoản phải thu khác                     | 135        | V6          | 416,431,473            | 892,087,875            |
| 6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi          | 139        | V7          | (137,464,907)          | (133,679,240)          |
| <b>IV Hàng tồn kho</b>                        | <b>140</b> |             | <b>9,647,817,584</b>   | <b>13,390,637,148</b>  |
| 1 Hàng tồn kho                                | 141        | V8          | 9,772,488,102          | 13,696,643,126         |
| 2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              | 149        |             | (124,670,518)          | (306,005,978)          |
| <b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>4,541,251,965</b>   | <b>4,970,242,691</b>   |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 151        | V9          | 873,333,743            | 843,042,687            |
| 2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ         | 152        | V10         | 86,195,631             | 241,109,890            |
| 3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    | 154        | V10         | 995,015,078            | 1,466,331,402          |
| 4 Tài sản ngắn hạn khác                       | 158        | V11         | 2,586,707,513          | 2,419,758,712          |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                              |            |             |                        |                        |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |             | <b>175,508,134,522</b> | <b>45,920,396,322</b>  |
| <b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1 Phải thu dài hạn của khách hàng            | 211        |             | -                      | -                      |
| 2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc     | 212        |             | -                      | -                      |
| 3 Phải thu dài hạn nội bộ                    | 213        |             | -                      | -                      |
| 4 Phải thu dài hạn khác                      | 218        |             | -                      | -                      |
| 5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi          | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>18,054,028,765</b>  | <b>19,817,554,279</b>  |
| 1 Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V12         | 18,038,028,765         | 19,816,932,728         |
| Nguyên giá                                   | 222        |             | 38,020,777,613         | 35,217,599,996         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (19,982,748,848)       | (15,400,667,268)       |
| 2 Tài sản cố định thuê tài chính             | 224        |             | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                   | 225        |             | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |             | -                      | -                      |
| 3 Tài sản cố định vô hình                    | 227        | V13         | 16,000,000             | 621,551                |
| Nguyên giá                                   | 228        |             | 104,197,649            | 86,197,649             |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (88,197,649)           | (85,576,098)           |
| 4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        |             | -                      | -                      |
| <b>III Bất động sản đầu tư</b>               | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                   | 241        |             | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> |             | <b>149,866,168,254</b> | <b>17,198,000,000</b>  |
| 1 Đầu tư vào công ty con                     | 251        |             | -                      | -                      |
| 2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    | 252        | V14         | 133,482,005,906        | -                      |
| 3 Đầu tư dài hạn khác                        | 258        | V15         | 17,198,000,000         | 17,198,000,000         |
| 4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259        |             | (813,837,652)          | -                      |
| <b>V Lợi thế thương mại</b>                  | <b>260</b> | V19         | <b>4,897,579,646</b>   | <b>6,198,411,606</b>   |
| <b>VI Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>270</b> |             | <b>2,690,357,857</b>   | <b>2,706,430,437</b>   |
| 1 Chi phí trả trước dài hạn                  | 271        | V16         | 334,752,824            | 1,629,171,814          |
| 2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 272        | V17         | 2,097,415,385          | 710,938,975            |
| 3 Tài sản dài hạn khác                       | 273        | V18         | 258,189,648            | 366,319,648            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>280</b> |             | <b>368,579,525,023</b> | <b>293,245,731,698</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                          |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|----------------------------------------------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                             |  | <b>300</b> |             | <b>41,336,453,802</b>  | <b>37,796,647,181</b>  |
| <b>I Nợ ngắn hạn</b>                               |  | <b>310</b> |             | <b>40,876,562,742</b>  | <b>36,895,226,664</b>  |
| 1 Vay và nợ ngắn hạn                               |  | 311        |             | -                      | -                      |
| 2 Phải trả người bán                               |  | 312        | V20         | 4,349,497,899          | 5,282,723,361          |
| 3 Người mua trả tiền trước                         |  | 313        | V21         | 99,276,387             | 515,253,109            |
| 4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              |  | 314        | V22         | 5,511,379,638          | 3,823,011,283          |
| 5 Phải trả người lao động                          |  | 315        | V23         | 24,946,402,511         | 21,890,851,175         |
| 6 Chi phí phải trả                                 |  | 316        | V24         | 155,868,626            | 220,706,364            |
| 7 Phải trả nội bộ                                  |  | 317        |             | -                      | -                      |
| 8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng |  | 318        |             | -                      | -                      |
| 9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       |  | 319        | V25         | 1,976,397,442          | 1,455,977,441          |
| 10 Dự phòng phải trả ngắn hạn                      |  | 320        | V26         | 124,806,879            | 102,360,095            |
| 11 Quỹ khen thưởng phúc lợi                        |  | 323        | V27         | 3,712,933,360          | 3,604,343,836          |
| <b>II Nợ dài hạn</b>                               |  | <b>330</b> |             | <b>459,891,060</b>     | <b>901,420,517</b>     |
| 1 Phải trả dài hạn người bán                       |  | 331        |             | -                      | -                      |
| 2 Phải trả dài hạn nội bộ                          |  | 332        |             | -                      | -                      |
| 3 Phải trả dài hạn khác                            |  | 333        | V28         | 235,729,300            | 157,466,500            |
| 4 Vay và nợ dài hạn                                |  | 334        |             | -                      | -                      |
| 5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  |  | 335        | V29         | 224,161,760            | 224,757,008            |
| 6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    |  | 336        | V30         | -                      | 519,197,009            |
| 7 Dự phòng phải trả dài hạn                        |  | 337        |             | -                      | -                      |
| 8 Doanh thu chưa thực hiện                         |  | 338        |             | -                      | -                      |
| 9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             |  | 339        |             | -                      | -                      |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                    |  | <b>400</b> |             | <b>325,516,260,193</b> | <b>253,845,623,632</b> |
| <b>I Vốn chủ sở hữu</b>                            |  | <b>410</b> |             | <b>325,516,260,193</b> | <b>253,845,623,632</b> |
| 1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        |  | 411        | V31         | 115,500,000,000        | 115,500,000,000        |
| 2 Thặng dư vốn cổ phần                             |  | 412        | V31         | 108,518,904,236        | 108,248,900,000        |
| 3 Vốn khác của chủ sở hữu                          |  | 413        |             | -                      | -                      |
| 4 Cổ phiếu quỹ                                     |  | 414        |             | -                      | (16,904,100,720)       |
| 5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  |  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       |  | 416        |             | -                      | -                      |
| 7 Quỹ đầu tư phát triển                            |  | 417        | V31         | 6,905,188,560          | 6,905,188,560          |
| 8 Quỹ dự phòng tài chính                           |  | 418        | V31         | 6,944,978,901          | 6,944,978,901          |
| 9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    |  | 419        |             | -                      | -                      |
| 10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               |  | 420        | V31         | 87,647,188,496         | 33,150,656,891         |
| 11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                |  | 421        |             | -                      | -                      |
| 12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                 |  | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>               |  | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1 Nguồn kinh phí                                   |  | 432        |             | -                      | -                      |
| 2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     |  | 433        |             | -                      | -                      |
| <b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>             |  | <b>439</b> | <b>V32</b>  | <b>1,726,811,028</b>   | <b>1,603,460,885</b>   |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                         |  | <b>440</b> |             | <b>368,579,525,023</b> | <b>293,245,731,698</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| CHỈ TIÊU                                      | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------|-------------|------------|------------|
|                                               |             |            |            |
| 1 Tài sản thuê ngoài                          |             | -          | -          |
| 2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |             | -          | -          |
| 3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |             | -          | -          |
| 4 Nợ khó đòi đã xử lý                         |             | 90,730,000 | 90,730,000 |
| 5 Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)          |             |            |            |
| Dollar Mỹ (USD)                               |             | 204.12     | 203.51     |
| Euro (EUR)                                    |             | 50.99      | 50.99      |
| 6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |             | -          | -          |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2013

**Bùi Xuân Tường**  
Người lập bảng**Trần Anh Phương**  
Kế toán trưởng**Nguyễn Văn Khải**  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ phường 17 quận Bình Thạnh TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Kỳ báo cáo      |                | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo |                 |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|----------------|---------------------------------------|-----------------|
|                                                    |       |             | Quý 4/2012      | Quý 4/2011     | Quý 4/2012                            | Quý 4/2011      |
| 1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ                   | 01    |             | 78,920,042,883  | 67,531,282,818 | 283,950,710,763                       | 240,852,637,378 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             |                 |                | -                                     | -               |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ             | 10    | VL1         | 78,920,042,883  | 67,531,282,818 | 283,950,710,763                       | 240,852,637,378 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VL2         | 60,149,756,814  | 53,394,777,444 | 227,500,523,488                       | 195,389,269,574 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ            | 20    |             | 18,770,286,069  | 14,136,505,374 | 56,450,187,275                        | 45,463,367,804  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VL3         | 1,870,078,319   | 4,569,118,473  | 25,121,376,065                        | 14,115,611,113  |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VL4         | 7,137,795,621   | 2,115,765,651  | 14,381,948,941                        | 10,901,306,661  |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 3,999,692       | 68,736,384     | 113,275,243                           | 1,062,999,701   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    | VL5         | 1,616,765,610   | 1,457,023,192  | 4,318,916,320                         | 4,732,337,671   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VL6         | 8,064,278,114   | 7,032,609,012  | 29,513,458,013                        | 26,659,848,356  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 3,821,525,043   | 8,100,225,992  | 33,357,240,066                        | 17,285,486,229  |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VL7         | 377,301,546     | 251,508,425    | 402,062,181                           | 2,256,597,894   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VL8         | 20,509,506      | 9,467,258      | 98,871,489                            | 850,564,513     |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 356,792,040     | 242,041,167    | 303,190,692                           | 1,406,033,381   |
| 14. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh | 45    | IV.27, V.15 | 3,470,994,391   | -              | 53,772,379,138                        | -               |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 7,649,311,474   | 8,342,267,159  | 87,432,809,896                        | 18,691,519,610  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.22        | 1,364,910,444   | 914,468,148    | 8,451,042,607                         | 5,045,842,778   |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    | VL9         | (1,452,076,941) | 342,729,725    | (1,493,345,779)                       | (23,378,225)    |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    | VII.6       | 7,736,477,971   | 7,085,069,287  | 80,475,113,068                        | 13,669,055,057  |
| 18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số                  | 61    |             | 203,605,400     | 420,716,464    | 346,699,572                           | 694,149,129     |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62    |             | 7,532,872,571   | 6,664,352,823  | 80,128,413,496                        | 12,974,905,928  |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.10       | 903             | 632            | 7,252                                 | 1,230           |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2013


Bùi Xuân Tường  
Người lập bảng

Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng
  
Nguyễn Văn Khải  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị tính: VND)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã số     | Thuyết minh                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
|                                                                                 |           |                              | Quý 4/2012                        | Quý 4/2011              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |                              |                                   |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                         | 01        |                              | 87,432,809,896                    | 18,691,519,610          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                    |           |                              |                                   |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                      | 02        | V.12, V.13, VI.2, VI.5, VI.6 | 4,584,703,131                     | 4,130,444,695           |
| - Các khoản dự phòng                                                            | 03        | V.3, V.7, V.8, V.14          | 7,779,195,969                     | 2,668,931,034           |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04        |                              | (13,805,218)                      | (7,037,068)             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                   | 05        | V.27, VI.3, VI.4             | (69,255,277,755)                  | (13,307,290,160)        |
| - Chi phí lãi vay                                                               | 06        | VI.4                         | 113,275,243                       | 1,062,999,701           |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08        |                              | 30,640,901,266                    | 13,239,567,812          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                 | 09        |                              | (9,006,441,090)                   | (28,667,094,766)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                       | 10        |                              | 2,513,786,044                     | (3,777,501,154)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                 | 11        |                              | (13,808,938,746)                  | 3,033,556,950           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                  | 12        |                              | 925,235,801                       | 302,266,072             |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                           | 13        | VI.4                         | (113,275,243)                     | (2,767,746,923)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                             | 14        | V.22                         | (7,074,437,050)                   | (6,573,573,774)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 15        |                              | 2,590,241,693                     | 1,071,713,863           |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                        | 16        |                              | (5,260,631,193)                   | (4,805,695,963)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |                              | <b>1,406,441,482</b>              | <b>(28,944,507,883)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |                              |                                   |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |                              | (1,730,758,839)                   | (1,772,842,983)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |                              | -                                 | 549,000,000             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |                              | -                                 | (76,105,806,250)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |                              | -                                 | 118,374,561,250         |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |                              | (79,709,626,768)                  |                         |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |                              | 33,088,288,306                    |                         |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |                              | 33,540,453,155                    | 15,382,646,384          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |                              | <b>(14,811,644,146)</b>           | <b>56,427,558,401</b>   |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
|                                                                                            |       |             | Quý 4/2012                        | Quý 4/2011       |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                |       |             |                                   |                  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31    |             | 17,174,104,956                    | -                |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -                                 | -                |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33    |             | -                                 | -                |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34    |             | -                                 | (421,340,000)    |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                                          | 35    |             | -                                 | (35,541,897)     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36    | V.25, V.31  | (22,095,370,000)                  | (15,825,000,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40    |             | (4,921,265,044)                   | (16,281,881,897) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                                             | 50    |             | (18,326,467,708)                  | 11,201,168,621   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                           | 60    | V.1         | 68,186,738,232                    | 56,985,569,611   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | -                                 | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                           | 70    | V.1         | 49,860,270,524                    | 68,186,738,232   |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2013




Bùi Xuân Tường  
Người lập bảng

Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ.

4. **Tổng số các công ty con** : 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03

5. **Danh sách các công ty con công ty liên kết quan trọng được hợp nhất**

| <i>Tên công ty</i>                                  | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i>                                         | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Liên Thái Bình                         | Tầng 3, số 1C Ngõ Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội                 | 100%                 | 100%                          |
| Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình | 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 100%                 | 100%                          |
| Công ty cổ phần thương mại Pan                      | 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 80%                  | 80%                           |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang    | 1234 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang             | 20,2%                | 20,2%                         |

6. **Nhân viên**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 Tập đoàn có 4.023 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm 2011 là 4.488 nhân viên). Trong kỳ không có những biến động đáng kể về số lượng nhân viên của Công ty.

7. **Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**

Trong năm, Tập đoàn đã cơ cấu lại danh mục đầu tư tài chính theo hướng thu hẹp với tổng giá trị đầu tư giảm so với đầu năm là 41.360.273.818 VND.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuyến Thái Bình đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ Xuyến Thái Bình (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### **4. Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Theo chuẩn mực kế toán số 07, Nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác thì được coi là có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại nếu có phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoản thời gian tối đa mười năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư liên kết được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có những nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp được ghi nhận để làm giảm các khác biệt về chính sách kế toán và kỳ kế toán của công ty liên kết với Tập đoàn trong những trường hợp có sự khác biệt.

#### **5. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 - 07       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05       |

#### 9. Tài sản thuê hoạt động

##### *Tập đoàn là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### *Tập đoàn là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 13. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm.

#### 14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 15. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại các công ty trong Tập đoàn trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

#### 16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### ***Chi phí bảo hành hàng hóa***

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính 01% trên doanh thu các hàng hóa có yêu cầu bảo hành.

#### **17. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do các Công ty trong Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

#### **18. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD

31/12/2012 : 20.828 VND/USD

#### **21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **22. Tài sản tài chính**

##### ***Phân loại tài sản tài chính***



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### 23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

*Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do các Công ty trong Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

#### **24. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

#### 27. Hợp nhất công ty liên kết

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2012, Công ty đã mua thêm 1.240.000 cổ phiếu để tăng tỷ lệ sở hữu AGF từ 10,58% lên 20,2%. Giá trị hợp lý tạm tính của tài sản thuần và nợ phải trả có thể xác định được của AGF và bất lợi thương mại phát sinh tại ngày mua được trình bày theo sau đây:

|                                                 | <u>Giá trị hợp lý tạm tính<br/>ghi nhận tại ngày mua</u> | <u>Giá trị sổ sách</u> |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|
| Tiền và tương đương tiền                        | 55.431.618.454                                           | 55.431.618.454         |
| Các khoản phải thu                              | 561.696.845.943                                          | 561.696.845.943        |
| Hàng tồn kho                                    | 516.997.394.834                                          | 516.997.394.834        |
| Các tài sản ngắn hạn khác                       | 15.323.710.621                                           | 15.323.710.621         |
| Tài sản cố định hữu hình                        | 342.121.392.045                                          | 342.121.392.045        |
| Tài sản cố định vô hình                         | 66.327.433.583                                           | 66.327.433.583         |
| Giá trị xây dựng dở dang                        | 19.170.195.016                                           | 19.170.195.016         |
| Các khoản đầu tư tài chính                      | 76.952.600.000                                           | 76.952.600.000         |
| Tài sản dài hạn khác                            | 13.384.265.182                                           | 13.384.265.182         |
| Nợ ngắn hạn                                     | (1.006.294.763.342)                                      | (1.006.294.763.342)    |
| Nợ dài hạn                                      | (18.091.830.702)                                         | (18.091.830.702)       |
| <b>Tài sản thuần</b>                            | <b>643.018.861.634</b>                                   | <b>643.018.861.634</b> |
| Phần sở hữu trong tài sản thuần (20,2%)         | 130.011.011.515                                          |                        |
| Bất lợi thương mại từ hợp nhất công ty liên kết | (50.301.348.747)                                         |                        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>79.709.626.768</b>                                    |                        |

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất 2012, Tập đoàn quyết định sử dụng giá trị hợp lý tạm tính vào ngày 30/06/2012 để hợp nhất báo cáo tài chính do Tập đoàn vẫn chưa hoàn thành việc định giá các tài sản cố định, quyền sử dụng đất, và các tài sản vô hình khác của AGF vào ngày mua mà Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Bất lợi thương mại được điều chỉnh ngay vào phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                       | 713.693.734           | 950.586.800           |
| Tiền gửi ngân hàng             | 13.443.746.002        | 9.466.923.477         |
| Tiền đang chuyển               | -                     | 650.000               |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 35.702.830.788        | 57.768.577.955        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>49.860.270.524</b> | <b>68.186.738.232</b> |

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**2. Đầu tư ngắn hạn**

|                                                                     | <u>Số cuối năm</u> |                       | <u>Số đầu năm</u> |                       |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
|                                                                     | <u>Số lượng</u>    | <u>Giá trị</u>        | <u>Số lượng</u>   | <u>Giá trị</u>        |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn                                            |                    | <b>50.117.189.303</b> |                   | 45.474.232.609        |
| - Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre                   | 500.000            | 19.630.201.015        | 191.660           | 8.014.494.050         |
| - Công ty cổ phần địa ốc An Lạc (*)                                 | -                  | -                     | 900.000           | 9.000.000.000         |
| - Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long                                 | 92.400             | 3.500.000.000         | 92.400            | 3.500.000.000         |
| - Công ty cổ phần Đại Nam (*)                                       | 47.000             | 4.700.000.000         | 47.000            | 4.700.000.000         |
| - Công ty cổ phần Long Hậu                                          | 102.000            | 4.645.889.422         | 102.200           | 4.658.257.216         |
| - Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang                  | -                  | -                     | 131.000           | 2.922.969.278         |
| - Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh     | 500.000            | 15.383.480.728        | 155.000           | 4.445.056.184         |
| - Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An                   | 150.000            | 2.256.746.982         | -                 | -                     |
| - Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương                               | -                  | -                     | 420.000           | 8.232.584.725         |
| - Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông    | 11                 | 566.946               | 11                | 566.946               |
| - Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển                       | 6                  | 304.210               | 6                 | 304.210               |
| Hợp tác kinh doanh ngắn hạn với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn |                    | -                     |                   | 37.731.245.000        |
| <b>Cộng</b>                                                         |                    | <b>50.117.189.303</b> |                   | <b>83.205.477.609</b> |

(\*) Cổ phiếu các công ty chưa niêm yết.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre:
  - Tăng do mua 315.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 11.894.202.924 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Giảm do bán 6.660 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 278.495.959 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần địa ốc An Lạc: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Long Hậu:
  - Tăng do mua 100 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.296.588 VND.
  - Giảm do bán 300 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 13.664.382 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang:
  - Tăng do mua 3.565.930 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 104.977.120.344 VND.
  - Giảm do bán 1.096.930 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 28.190.462.854 VND.
  - Giảm do chuyển đầu tư liên kết 2.600.000 với giá trị tương ứng 79.709.626.768 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh:
  - Tăng do mua 379.310 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 11.982.948.060 VND.
  - Giảm do bán 34.310 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.044.523.516 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chế biến hàng xuất khẩu Long An:
  - Tăng do mua 403.500 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 6.203.263.764 VND.
  - Giảm do bán 253.500 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.946.516.782 VND.

### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

|                            |                       |
|----------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 4.966.208.544         |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 7.458.147.860         |
| Số hoàn nhập               | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>12.424.356.404</b> |

### 4. Phải thu khách hàng

|                                                         | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình                     | 6.277.752.806         | 5.191.275.801         |
| Tại Công ty cổ phần thương mại Pan                      | 2.551.963.898         | 4.349.138.124         |
| Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình                         | 7.423.261.317         | 5.176.158.282         |
| Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình | 23.662.424.510        | 15.245.233.442        |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>39.915.402.531</b> | <b>29.961.805.649</b> |

### 5. Trả trước cho người bán

|                                                         | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình (*)                 | 50.244.332.533        | 50.322.820.675        |
| Tại Công ty cổ phần thương mại Pan                      | 457.271.314           | 667.080.266           |
| Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình                         | 40.000.000            | 57.940.048            |
| Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình | 393.244.585           | 770.392.967           |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>51.134.848.432</b> | <b>51.818.233.956</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(\*) Trong đó, khoản trả trước cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn là 50.100.000.000 VND. Theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 79/2010/IB-SSIHO ngày 26 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn với Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình thì tổng giá trị giao dịch là 50.200.000.000 VND và có hạn thanh toán cuối cùng là ngày 18 tháng 03 năm 2013. Đến nay Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình còn nợ chưa thanh toán 100.000.000 VND.

#### 6. Các khoản phải thu khác

|                                                     | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|-----------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi hợp tác của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn | -                  | 367.211.321        |
| Lãi dự thu từ các ngân hàng                         | 75.234.229         | 209.040.083        |
| Trả trước quỹ ốm đau, thai sản từ BHXH              | 306.547.941        | 250.319.886        |
| Hàng giao chờ xuất hóa đơn                          | 21.530.109         | -                  |
| Phải thu khác                                       | 13.119.149         | 65.516.585         |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>416.431.473</b> | <b>892.087.875</b> |

#### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

|                                                                      | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | -                  | -                  |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | -                  | -                  |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm               | 137.464.907        | 133.679.240        |
| <b>Cộng</b>                                                          | <b>137.464.907</b> | <b>133.679.240</b> |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

|                                |                    |
|--------------------------------|--------------------|
| Số đầu năm                     | 133.679.240        |
| Trích lập dự phòng bổ sung     | 3.785.667          |
| Giảm xử lý nợ phải thu khó đòi | -                  |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b>137.464.907</b> |

#### 8. Hàng tồn kho

|                       | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.357.433.625        | 3.972.449.916         |
| Công cụ, dụng cụ      | 782.904.172          | 1.230.087.405         |
| Hàng hóa              | 6.632.150.305        | 8.494.105.805         |
| <b>Cộng</b>           | <b>9.772.488.102</b> | <b>13.696.643.126</b> |

#### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                  | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|------------------|-------------|-------------|
| Chi phí bảo hiểm | 501.628.370 | 293.113.540 |
| Phí thuê kho     | 41.600.000  | 35.190.000  |
| Công cụ, dụng cụ | 86.868.406  | 261.963.172 |
| Chi phí thuê nhà | 229.252.673 | 230.882.392 |
| Bảo trì phần mềm | 3.645.169   | -           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|              | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|--------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí khác | 10.339.225         | 21.893.583         |
| <b>Cộng</b>  | <b>873.333.743</b> | <b>843.042.687</b> |

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa và thuế giá trị gia tăng chờ khấu trừ.

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

|                                            | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng                                    | 750.277.295          | 904.721.738          |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.835.957.400        | 1.515.036.974        |
|                                            | 472.818              | -                    |
| <b>Cộng</b>                                | <b>2.586.707.513</b> | <b>2.419.758.712</b> |

**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                                               | <u>Nhà cửa, vật<br/>kiến trúc</u> | <u>Máy móc và<br/>thiết bị</u> | <u>Phương tiện<br/>vận tải, truyền<br/>dẫn</u> | <u>Thiết bị,<br/>dụng cụ<br/>quản lý</u> | <u>Cộng</u>           |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                             |                                   |                                |                                                |                                          |                       |
| Số đầu năm                                    | 14.355.899.499                    | 15.578.735.756                 | 4.220.709.449                                  | 1.062.255.292                            | 35.217.599.996        |
| Mua sắm mới                                   | -                                 | 217.204.000                    | -                                              | 234.328.536                              | 451.532.536           |
| Tăng từ hàng tồn<br>kho xuất sử dụng          | -                                 | 2.619.781.714                  | -                                              | -                                        | 2.619.781.714         |
| Giảm nhập lại hàng<br>tồn kho chưa sử<br>dụng | -                                 | (268.136.633)                  | -                                              | -                                        | (268.136.633)         |
| <b>Số cuối năm</b>                            | <b>14.355.899.499</b>             | <b>18.147.584.837</b>          | <b>4.220.709.449</b>                           | <b>1.296.583.828</b>                     | <b>38.020.777.613</b> |
| <b>Trong đó:</b>                              |                                   |                                |                                                |                                          |                       |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử<br>dụng   | -                                 | 1.270.264.090                  | 794.370.000                                    | 12.614.546                               | 2.077.248.636         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                        |                                   |                                |                                                |                                          |                       |
| Số đầu năm                                    | 3.525.297.505                     | 9.002.560.589                  | 2.045.918.169                                  | 826.891.005                              | 15.400.667.268        |
| Khấu hao trong năm                            | 1.231.730.823                     | 2.755.620.202                  | 422.071.482                                    | 172.659.073                              | 4.582.081.580         |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                       | -                                 | -                              | -                                              | -                                        | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>                            | <b>4.757.028.328</b>              | <b>11.758.180.791</b>          | <b>2.467.989.651</b>                           | <b>999.550.078</b>                       | <b>19.982.748.848</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                        |                                   |                                |                                                |                                          |                       |
| Số đầu năm                                    | 10.830.601.994                    | 6.576.175.167                  | 2.174.791.280                                  | 235.364.287                              | 19.816.932.728        |
| <b>Số cuối năm</b>                            | <b>9.598.871.171</b>              | <b>6.389.404.046</b>           | <b>1.752.719.798</b>                           | <b>297.033.750</b>                       | <b>18.038.028.765</b> |
| <b>Trong đó:</b>                              |                                   |                                |                                                |                                          |                       |
| Tạm thời chưa sử<br>dụng                      | -                                 | -                              | -                                              | -                                        | -                     |
| Đang chờ thanh lý                             | -                                 | -                              | -                                              | -                                        | -                     |

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| <u>Nguyên giá</u> | <u>Giá trị hao mòn</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-------------------|------------------------|------------------------|
|-------------------|------------------------|------------------------|

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                    | Nguyên giá         | Giá trị hao mòn   | Giá trị còn lại   |
|--------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm         | 86.197.649         | 85.576.098        | 621.551           |
| Khấu hao trong năm | 18.000.000         | 2.621.551         | -                 |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>104.197.649</b> | <b>88.197.649</b> | <b>16.000.000</b> |

**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

| Công ty liên kết                      | Số cuối năm        |          | Số đầu năm        |          |
|---------------------------------------|--------------------|----------|-------------------|----------|
|                                       | Giá trị sở hữu     | % sở hữu | Giá trị sở hữu    | % sở hữu |
| CTCP xuất nhập khẩu thủy sản An Giang | 86.197.649         | 20,2     | 85.576.098        | 20,2     |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>104.197.649</b> |          | <b>88.197.649</b> |          |

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

| Giá trị đầu tư                                                     | CTCP xuất nhập khẩu thủy sản An Giang<br>Giá trị đầu tư |
|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Số đầu năm                                                         | -                                                       |
| Tăng giá trị đầu tư trong kỳ                                       | 79.709.626.768                                          |
| Giảm giá trị đầu tư trong kỳ                                       | -                                                       |
| <b>Số cuối năm</b>                                                 | <b>79.709.626.768</b>                                   |
| <b>Phần lũy kế lãi lỗ sau khi mua công ty liên kết</b>             |                                                         |
| Số đầu năm                                                         | 3.470.994.391                                           |
| Phần lãi/lỗ trong kỳ                                               |                                                         |
| Phân bổ lợi thế hoặc bất lợi thế thương mại (thuyết minh số IV.27) | 50.301.384.747                                          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                        | -                                                       |
| Các khoản điều chỉnh do sai khác chính sách và kỳ kế toán          | -                                                       |
| Các khoản tăng/giảm vốn chủ không thể hiện trên kết quả kinh doanh |                                                         |
| <b>Số cuối năm</b>                                                 | <b>133.482.005.906</b>                                  |

**15. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn cổ phiếu. Chi tiết như sau:

|                                                         | Số cuối năm |                       | Số đầu năm |                       |
|---------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
|                                                         | Số lượng    | Giá trị               | Số lượng   | Giá trị               |
| Công ty cổ phần đầu tư bất động sản chứng khoán Sài Gòn | 500.000     | 5.000.000.000         | 500.000    | 5.000.000.000         |
| Công ty cổ phần Việt Tín                                | 4.698       | 4.698.000.000         | 4.698      | 4.698.000.000         |
| Công ty cổ phần cơ - điện - môi trường Lilama           | 750.000     | 7.500.000.000         | 750.000    | 7.500.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                             |             | <b>17.198.000.000</b> |            | <b>17.198.000.000</b> |

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

|                  | Số đầu năm    | Tăng trong năm sau khi chuyển sang loại khác | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | Số cuối năm |
|------------------|---------------|----------------------------------------------|---------------------------------------|-------------|
|                  |               |                                              |                                       |             |
| Công cụ, dụng cụ | 1.590.773.980 | 1.127.159.378                                | (2.383.180.534)                       | 334.752.824 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|              | Số đầu năm           | Tăng<br>trong năm sau<br>khi chuyển sang<br>loại khác | Kết chuyển vào chi<br>phí SXKD trong<br>năm | Số cuối năm        |
|--------------|----------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|
| Chi phí khác | 38.397.834           | 4.050.271                                             | (42.448.105)                                | -                  |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.629.171.814</b> | <b>1.131.209.649</b>                                  | <b>(2.425.628.639)</b>                      | <b>334.752.824</b> |

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

|                     |                      |
|---------------------|----------------------|
| Số đầu năm          | 710.938.975          |
| Phát sinh trong năm | 1.661.022.668        |
| Hoàn nhập trong năm | (274.546.258)        |
| <b>Số cuối năm</b>  | <b>2.097.415.385</b> |

**18. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**19. Lợi thế thương mại**

Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình cho rằng giá trị sổ sách của Công ty TNHH Liên Thái Bình tại ngày mua là giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch giữa giá mua với giá trị hợp lý tại ngày mua là lợi thế thương mại và được phân bổ trong 10 năm. Chi tiết như sau:

|                                     |                      |
|-------------------------------------|----------------------|
| Giá trị lợi thế thương mại          | 13.008.319.600       |
| Số đã phân bổ                       |                      |
| - Số phân bổ đầu năm                | (6.809.907.994)      |
| - Số phân bổ trong năm              | (1.300.831.960)      |
| - Lũy kế số phân bổ cuối năm        | (8.110.739.954)      |
| <b>Số còn phải phân bổ cuối năm</b> | <b>4.897.579.646</b> |

**20. Phải trả cho người bán**

|                                                         | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình                     | 377.128.053          | 674.889.439          |
| Tại Công ty cổ phần thương mại Pan                      | 1.231.309.118        | 2.323.630.343        |
| Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình                         | 353.975.609          | 363.018.070          |
| Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình | 2.387.085.119        | 1.921.185.509        |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>4.349.497.899</b> | <b>5.282.723.361</b> |

**21. Người mua trả tiền trước**

|                                                         | Số cuối năm       | Số đầu năm         |
|---------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình                     | -                 | -                  |
| Tại Công ty cổ phần thương mại Pan                      | 45.641.560        | 507.095.585        |
| Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình                         | 2.460.865         | 60.669             |
| Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình | 51.173.962        | 8.096.855          |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>99.276.387</b> | <b>515.253.109</b> |

**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                        | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|----------------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 1.846.325.415        | 24.937.743.541               | (24.089.207.812)           | 2.694.861.144        |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu   | 46.866.836           | 442.871.276                  | (489.738.112)              | -                    |
| Thuế xuất, nhập khẩu                   | 1.453.665            | 148.768.990                  | (150.222.655)              | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)         | 309.992.123          | 8.451.042.606                | (7.074.437.050)            | 1686.597.679         |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 152.041.842          | 1.173.676.538                | (1.190.812.643)            | 134.905.737          |
| Các loại thuế khác                     | -                    | 11.000.000                   | (11.000.000)               | -                    |
| <b>Cộng</b>                            | <b>2.356.679.881</b> | <b>35.165.102.951</b>        | <b>(33.005.418.272)</b>    | <b>4.516.364.560</b> |

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm bao gồm:

|               |                      |
|---------------|----------------------|
| - Số phải nộp | 2.681.612.757        |
| - Số nộp thừa | (995.015.078)        |
| <b>Cộng</b>   | <b>1.686.597.679</b> |

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                                                             |     |
|-------------------------------------------------------------|-----|
| - Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp chế xuất: | 0%  |
| - Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp khác:     | 10% |

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

|                                                           |                      |
|-----------------------------------------------------------|----------------------|
| - Tại Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình                     | 227.144.586          |
| - Tại Công ty TNHH Liên Thái Bình                         | 1.066.750.842        |
| - Tại Công ty cổ phần thương mại Pan                      | 394.032.645          |
| - Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình | 6.713.114.533        |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>8.451.042.606</b> |

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

**23. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 12 và tiền lương tháng 13 còn phải trả công nhân viên.

**24. Chi phí phải trả**

|                                    | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Trích trước chi phí kiểm toán      | 104.100.000        | -                 |
| Trích trước chi phí hoạt động khác | 48.850.000         | -                 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|              | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|--------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí khác | 2.918.626          | 220.706.364        |
| <b>Cộng</b>  | <b>155.868.626</b> | <b>220.706.364</b> |

**25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

|                                            | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn                         | 1.030.157.837        | 713.087.240          |
| Bảo hiểm xã hội                            | 97.923.072           | 162.480.472          |
| Bảo hiểm thất nghiệp                       | 133.034.056          | 124.124.133          |
| Cổ tức phải trả                            | 4.630.000            | -                    |
| Cổ tức cổ đông thiếu số phải trả ở cty con |                      | 180.000.000          |
| Quỹ thù lao và chi phí hoạt động HĐQT, BKS | 510.212.009          | -                    |
| Phải trả phải nộp khác                     | 20.440.468           | 276.285.596          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>1.976.397.442</b> | <b>1.455.977.441</b> |

**26. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Khoản trích trước chi phí bảo hành sản phẩm tại Công ty cổ phần thương mại Pan.

**27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                               |                      |
|-----------------------------------------------|----------------------|
| Số đầu năm                                    | 3.604.343.836        |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận                | 2.800.339.391        |
| Tách quỹ thù lao HĐQT, BKS sang phải trả khác | (228.069.509)        |
| Chi quỹ                                       | (2.463.680.358)      |
| <b>Số cuối năm</b>                            | <b>3.712.933.360</b> |

**28. Phải trả dài hạn khác**

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**29. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

|                     |                    |
|---------------------|--------------------|
| Số đầu năm          | 224.757.008        |
| Phát sinh trong năm | (595.248)          |
| <b>Số cuối năm</b>  | <b>224.161.760</b> |

**30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

|                    |               |
|--------------------|---------------|
| Số đầu năm         | 519.197.009   |
| Hoàn nhập          | (373.889.304) |
| Số đã chi          | (145.307.705) |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>-</b>      |

**31. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

|                                                                                          |                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| Trả cổ tức năm trước (1.000 VND/cổ phiếu/10% mệnh giá năm 2011 và 10% mệnh giá năm 2012) | 22.100.000.000        |
| Tạm ứng cổ tức                                                                           | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                                              | <b>22.100.000.000</b> |

#### Cổ phiếu

|                                        | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 11.550.000         | 11.550.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.550.000         | 11.550.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 11.550.000         | 11.550.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                  | 1.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -                  | 1.000.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 11.550.000         | 10.550.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 11.550.000         | 10.550.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

#### 32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

|                                         |                      |
|-----------------------------------------|----------------------|
| Số đầu năm                              | 1.603.460.885        |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 346.699.572          |
| Chia cổ tức                             | (180.000.000)        |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi          | (43.349.429)         |
| <b>Số cuối năm</b>                      | <b>1.726.811.028</b> |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                        | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                  |
|------------------------|------------------------------------------|------------------|
|                        | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 17.164.001.908                           | 14.578.129.165   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                              | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|----------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                                              | Năm nay                           | Năm trước              |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                   | 266.786.708.855                   | 226.274.508.213        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>283.950.710.763</b>            | <b>240.852.637.378</b> |
| <b>2. Giá vốn hàng bán</b>                   |                                   |                        |
|                                              | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|                                              | Năm nay                           | Năm trước              |
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp             | 10.166.669.738                    | 7.864.084.032          |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp              | 217.152.518.290                   | 187.219.179.564        |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho               | (181.335.460)                     | 306.005.978            |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>227.500.523.488</b>            | <b>195.389.269.574</b> |
| <b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>      |                                   |                        |
|                                              | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|                                              | Năm nay                           | Năm trước              |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn                       | 9.757.863.786                     | 9.522.122.527          |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn                    | 957.543.154                       | 351.216.521            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                  | 4.885.343.400                     | 2.782.931.500          |
| Lãi hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn      | 9.471.718.540                     | 1.246.177.094          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện           | 48.907.185                        | 206.126.403            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện         | -                                 | 7.037.068              |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>25.121.376.065</b>             | <b>14.115.611.113</b>  |
| <b>4. Chi phí tài chính</b>                  |                                   |                        |
|                                              | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|                                              | Năm nay                           | Năm trước              |
| Chi phí lãi vay                              | 113.275.243                       | 1.062.999.701          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện            | 16.666.161                        | 275.853.948            |
| Chi phí hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn  | 5.980.022.025                     | 293.021.594            |
| Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính       | -                                 | 6.839.884.362          |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính | 8.271.985.512                     | 2.429.547.056          |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>14.381.948.941</b>             | <b>10.901.306.661</b>  |
| <b>5. Chi phí bán hàng</b>                   |                                   |                        |
|                                              | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|                                              | Năm nay                           | Năm trước              |
| Chi phí cho nhân viên                        | 2.099.218.562                     | 2.534.263.327          |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                | 148.457.258                       | 42.080.496             |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định             | -                                 | -                      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                    | 610.642.861                       | 476.237.289            |
| Chi phí khác                                 | 1.460.597.639                     | 1.679.756.559          |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>4.318.916.320</b>              | <b>4.732.337.671</b>   |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>       |                                   |                        |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                                                                                                       | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------|
|                                                                                                                       | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Chi phí cho nhân viên                                                                                                 | 16.346.141.638                           | 14.205.738.253        |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                                                                                         | 845.958.490                              | 1.474.703.969         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                                                                                      | 1.827.358.684                            | 1.932.169.014         |
| Chi phí phân bổ lợi thế thương mại                                                                                    | 1.300.831.960                            | 1.300.831.960         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                                                                             | 5.791.220.784                            | 4.657.843.286         |
| Chi phí khác                                                                                                          | 3.401.946.453                            | 3.088.561.874         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                           | <b>29.513.458.013</b>                    | <b>26.659.848.356</b> |
| <b>7. Thu nhập khác</b>                                                                                               | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|                                                                                                                       | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                                                         | -                                        | 549.000.000           |
| Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng                                                                                        | -                                        | 1.564.231.447         |
| Hoàn nhập quỹ trợ cấp mất việc làm                                                                                    | 374.032.748                              | -                     |
| Thu nhập khác                                                                                                         | 28.029.433                               | 143.366.447           |
| <b>Cộng</b>                                                                                                           | <b>402.062.181</b>                       | <b>2.256.597.894</b>  |
| <b>8. Chi phí khác</b>                                                                                                | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|                                                                                                                       | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán                                                                  |                                          | 792.940.961           |
| Phạt và truy thu thuế                                                                                                 | 20.455.463                               | -                     |
| Chi phí khác                                                                                                          | 78.416.026                               | 57.623.552            |
| <b>Cộng</b>                                                                                                           | <b>98.871.489</b>                        | <b>850.564.513</b>    |
| <b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>                                                                 | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|                                                                                                                       | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ                          | 1.556.199.002                            | 104.687.075           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế                         | (62.853.223)                             | (81.308.850)          |
| <b>Cộng</b>                                                                                                           | <b>1.493.345.779</b>                     | <b>23.378.225</b>     |
| <b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                                                   | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|                                                                                                                       | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ                                           | 80.128.413.496                           | 12.974.905.928        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -                                        | -                     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                                          | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                                                          | Năm nay                           | Năm trước      |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  | 80.128.413.496                    | 12.974.905.928 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*) | 11.049.834                        | 10.550.000     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                          | <b>7.252</b>                      | <b>1.230</b>   |

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

|                                                             | Năm nay           | Năm trước         |
|-------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                    | 10.550.000        | 10.550.000        |
| Ảnh hưởng của việc bán cổ phiếu quỹ trong tháng 5 năm 2012  | 137.133           | -                 |
| Ảnh hưởng của việc bán cổ phiếu quỹ trong tháng 6 năm 2012  | 160.344           | -                 |
| Ảnh hưởng của việc bán cổ phiếu quỹ trong tháng 7 năm 2012  | 137.766           | -                 |
| Ảnh hưởng của việc bán cổ phiếu quỹ trong tháng 8 năm 2012  | 25.528            | -                 |
| Ảnh hưởng của việc bán cổ phiếu quỹ trong tháng 9 năm 2012  | 39.053            | -                 |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b> | <b>11.049.834</b> | <b>10.550.000</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.7 đến VII.11 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu các Công ty trong Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do các Công ty trong Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

### 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày khóa sổ có thể ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

### 3. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm, Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình đã thuê nhà của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với số tiền là 626.067.031 VND (năm trước là 569.685.434 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|             | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|-------------|-----------------------------------|----------------------|
|             | Năm nay                           | Năm trước            |
| Tiền lương  | 2.830.629.890                     | 2.320.000.000        |
| Tiền thưởng | 404.063.172                       | 384.495.327          |
| <b>Cộng</b> | <b>3.234.693.062</b>              | <b>2.704.495.327</b> |

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Bà Hà Thị Thanh Vân – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuyền Thái Bình là vợ ông Nguyễn Hồng Nam - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn như sau:

|                                                             | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                                                             | Năm nay                           | Năm trước      |
| Thu lãi trái phiếu                                          | -                                 | 800.000.000    |
| Cho thuê văn phòng                                          | 481.155.875                       | 383.309.140    |
| Lãi vay dự tính phải trả phát sinh từ hợp đồng mua cổ phiếu | -                                 | 1.036.163.827  |
| Trả trước tiền mua cổ phiếu                                 | -                                 | 25.000.000.000 |
| Chi hợp tác kinh doanh ngắn hạn                             | 23.497.046.875                    | 76.105.806.250 |
| Lãi hợp tác kinh doanh ngắn hạn                             | 1.258.208.059                     | 434.242.725    |
| Nhận ứng trước tiền bán chứng khoán chưa về                 | -                                 | 150.000.000    |
| Phí tư vấn                                                  | 5.637.500.000                     | -              |
| Đặt cọc thuê văn phòng                                      | 78.262.800                        | -              |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn như sau:

|                                             | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước tiền mua cổ phiếu                 | 50.100.000.000        | 50.100.000.000        |
| Phải thu tiền dịch vụ cho thuê              | 117.446.672           | 36.036.154            |
| Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác (dự thu) | -                     | 367.211.321           |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>                     | <b>50.217.446.672</b> | <b>50.503.247.475</b> |
| Lãi vay phải trả                            | -                     | 2.750.000             |
| Phải trả do ứng trước tiền bán chứng khoán  | -                     | 150.000.000           |
| Phải trả khoản nhận ký cược thuê văn phòng  | 78.262.800            | -                     |
| <b>Cộng nợ phải trả</b>                     | <b>78.262.800</b>     | <b>152.750.000</b>    |

#### 4. Thông tin về bộ phận

##### Khu vực địa lý

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam. Kết quả kinh doanh được trình bày từ thuyết minh số VI.1 đến thuyết minh số VI.8.

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động của Tập đoàn chỉ tập trung chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ vệ sinh. Kết quả kinh doanh được trình bày từ thuyết minh số VI.1 đến thuyết minh số VI.8.

#### **5. Thuê hoạt động**

##### **Các hợp đồng đi thuê**

Tại ngày kết thúc năm kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

|                        | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 1.462.200.000         | 859.872.000           |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 2.646.000.000         | 2.989.488.000         |
| Trên 05 năm            | 7.835.800.000         | 11.761.824.000        |
| <b>Cộng</b>            | <b>11.944.000.000</b> | <b>15.611.184.000</b> |

#### **6. Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh**

Theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính, về công bố thông tin định kỳ và giải trình số liệu của tổ chức niêm yết, Công ty giải trình biến động kết quả kinh doanh như sau:

Về kết quả kinh doanh Quý 4/2012 so Quý 4/2011: lợi nhuận trước thuế Quý 4/2012 là 7,6 tỷ, giảm 700 triệu so cùng kỳ năm 2011 chủ yếu là tăng dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Doanh thu trong kỳ và giá vốn dịch vụ đều tăng với tỷ lệ tương ứng là 16,8% và 12,7% so cùng kỳ 2012.

Về kết quả kinh doanh cả năm: Lợi nhuận trước thuế năm 2012 là 87,4 tỷ tăng 68,6 tỷ, tương đương tăng 366,8% so kết quả năm 2011, chủ yếu là do đóng góp từ hoạt động tài chính, dịch vụ vệ sinh. Chi tiết các nguyên nhân:

- Hoạt động tại công ty mẹ và các công ty con đạt 33,6 tỷ lợi nhuận trước thuế, tăng 15 tỷ, tương đương tăng 80,6% so năm 2011. Do hoạt động bán hàng và dịch vụ được đẩy mạnh, kiểm soát và quản lý chi phí tốt; hoạt động đầu tư tài chính trong kỳ đạt kết quả tốt so cùng kỳ năm 2011
- Phần lãi lỗ tại công ty liên kết (từ kết quả kinh doanh trong kỳ và bất lợi thương mại) đóng góp vào kết quả kinh doanh hợp nhất là 53,7 tỷ đồng.

#### **7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

|                                    | <b>Giá trị sổ sách</b> |                   | <b>Giá trị hợp lý</b> |                   |
|------------------------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|
|                                    | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b> | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b> |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                   |                       |                   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 49.860.270.524         | 68.186.738.232    | 49.860.270.524        | 68.186.738.232    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                                           | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|-------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                           | Số cuối năm            | Số đầu năm             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn |                        | -                      |                        | -                      |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 54.076.995.247         | 95.437.269.065         | 54.076.995.247         | 95.437.269.065         |
| Phải thu khách hàng                       | 39.915.402.531         | 29.828.126.409         | 39.915.402.531         | 29.828.126.409         |
| Các khoản phải thu khác                   | 52.546.294.983         | 3.678.166.235          | 52.546.294.983         | 3.678.166.235          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>196.398.963.285</b> | <b>197.130.299.941</b> | <b>196.398.963.285</b> | <b>197.130.299.941</b> |

#### Nợ phải trả tài chính

|                         |                       |                       |                       |                       |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán      | 4.349.497.899         | 5.282.723.361         | 4.349.497.899         | 5.282.723.361         |
| Vay và nợ               | -                     | -                     | -                     | -                     |
| Phải trả người lao động | 24.946.402.511        | 21.890.851.175        | 24.946.402.511        | 21.890.851.175        |
| Chi phí phải trả        | 155.868.626           | 220.706.364           | 155.868.626           | 220.706.364           |
| Các khoản phải trả khác | 2.436.288.502         | 2.235.001.045         | 2.436.288.502         | 2.235.001.045         |
| <b>Cộng</b>             | <b>31.888.057.538</b> | <b>29.629.281.945</b> | <b>31.888.057.538</b> | <b>29.629.281.945</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 8. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản đảm bảo nào thế chấp cho đơn vị khác cũng như không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### 9. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

##### *Phải thu khách hàng*

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của các Công ty trong Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 10. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 01 năm trở xuống</b> | <b>Trên 01 năm đến 05 năm</b> | <b>Cộng</b>           |
|-------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                            |                               |                       |
| Phải trả cho người bán  | 4.349.497.899              |                               | 4.349.497.899         |
| Vay và nợ               | -                          |                               | -                     |
| Phải trả người lao động | 24.946.402.511             |                               | 24.946.402.511        |
| Chi phí phải trả        | 155.868.626                |                               | 155.868.626           |
| Các khoản phải trả khác | 1.976.397.442              | 459.891.060                   | 2.436.288.502         |
| <b>Cộng</b>             | <b>31.428.166.478</b>      | <b>459.891.060</b>            | <b>31.888.057.538</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                            |                               |                       |
| Phải trả cho người bán  | 5.282.723.361              | -                             | 5.282.723.361         |
| Vay và nợ               | -                          | -                             | -                     |
| Phải trả người lao động | 21.890.851.175             | -                             | 21.890.851.175        |
| Chi phí phải trả        | 220.706.364                | -                             | 220.706.364           |
| Các khoản phải trả khác | 1.558.337.536              | 676.663.509                   | 2.235.001.045         |
| <b>Cộng</b>             | <b>28.952.618.436</b>      | <b>676.663.509</b>            | <b>29.629.281.945</b> |

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 11. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện phần lớn bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

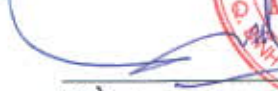
#### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2013

  
**Bùi Xuân Tường**  
Người lập biểu

  
**Trần Anh Phượng**  
Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Văn Khải**  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                                     | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần   | Cổ phiếu quỹ            | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Đơn vị tính: VND       |
|-------------------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước                 | 115,500,000,000           | 108,248,900,000        | (16,904,100,720)        | 6,417,328,186         | 6,466,579,399          | 39,588,190,891                    | 259,316,897,756        |
| Lợi nhuận trong năm                 |                           |                        |                         |                       |                        | 12,974,905,928                    | 12,974,905,928         |
| Trích lập các quỹ trong năm         |                           |                        |                         | 487,860,374           | 478,399,502            | (3,587,439,928)                   | (2,621,180,052)        |
| Tăng vốn từ thặng dư                |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| Phát hành cổ phiếu                  |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| Chi phí phát hành cổ phiếu          |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| Chia cổ tức trong năm               |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành       |                           |                        |                         |                       |                        | (15,825,000,000)                  | (15,825,000,000)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>         | <b>115,500,000,000</b>    | <b>108,248,900,000</b> | <b>(16,904,100,720)</b> | <b>6,905,188,560</b>  | <b>6,944,978,901</b>   | <b>33,150,656,891</b>             | <b>253,845,623,632</b> |
| Số dư đầu năm nay                   | 115,500,000,000           | 108,248,900,000        | (16,904,100,720)        | 6,905,188,560         | 6,944,978,901          | 33,150,656,891                    | 253,845,623,632        |
| Lợi nhuận trong năm                 |                           |                        |                         |                       |                        | 80,128,413,496                    | 80,128,413,496         |
| Trích lập các quỹ trong năm         |                           |                        |                         |                       |                        | (2,800,339,391)                   | (2,800,339,391)        |
| Trích thù lao và kinh phí HĐQT, BKS |                           |                        |                         |                       |                        | (731,542,500)                     | (731,542,500)          |
| Tăng vốn từ thặng dư                |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| Phát hành cổ phiếu                  |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| Chi phí phát hành cổ phiếu          |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| Chia cổ tức trong năm               |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành       |                           |                        |                         |                       |                        |                                   | -                      |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>           | <b>115,500,000,000</b>    | <b>108,518,904,236</b> | <b>16,904,100,720</b>   | <b>6,905,188,560</b>  | <b>6,944,978,901</b>   | <b>87,647,188,496</b>             | <b>325,516,260,193</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2013

*Bai Xuan Tuong*

Bùi Xuân Tường  
Người lập bảng

*Tran Anh Phuong*  
Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng

*Nguyen Van Khai*  
Nguyễn Văn Khải  
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH  
M.S. N.0301472704-C.T.C. HNM  
Q. BÌNH THẠNH TP. HCM



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:

| Năm nay                                                                                                               | Khu vực Miền Nam       | Khu vực Miền Trung   | Khu vực Miền Bắc      | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                                                          | 217,122,395,367        | 9,837,749,149        | 56,990,566,247        | -                  | 283,950,710,763        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                                                      | -                      | -                    | -                     | -                  | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                                           | <b>217,122,395,367</b> | <b>9,837,749,149</b> | <b>56,990,566,247</b> | -                  | <b>283,950,710,763</b> |
| Chi phí bộ phận                                                                                                       | (190,570,356,467)      | (9,585,569,306)      | (53,279,613,579)      | -                  | (253,435,539,352)      |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                                                       | 26,552,038,900         | 252,179,843          | 3,710,952,668         | -                  | 30,515,171,411         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                                                                |                        |                      |                       |                    | (7,897,358,469)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                                                     |                        |                      |                       |                    | 22,617,812,942         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                                                         |                        |                      |                       |                    | 25,121,376,065         |
| Chi phí tài chính                                                                                                     |                        |                      |                       |                    | (14,381,948,941)       |
| Thu nhập khác                                                                                                         |                        |                      |                       |                    | 402,062,181            |
| Chi phí khác                                                                                                          |                        |                      |                       |                    | (98,871,489)           |
| Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh                                                                   | 53,772,379,138         | -                    | -                     | -                  | 53,772,379,138         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                                          |                        |                      |                       |                    | (8,451,042,607)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                                                           |                        |                      |                       |                    | 1,493,345,779          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                                                       |                        |                      |                       |                    | <b>80,475,113,068</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | -                      | -                    | -                     | -                  | <b>469,532,536</b>     |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                                                     | -                      | -                    | -                     | -                  | <b>7,010,331,770</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | -                      | -                    | -                     | -                  | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

| Năm trước                                                                                                             | Khu vực Miền Nam       | Khu vực Miền Trung    | Khu vực Miền Bắc      | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                                                          | 176,624,430,137        | 11,169,061,892        | 53,059,145,349        | -                  | 240,852,637,378        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                                                      | -                      | -                     | -                     | -                  | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                                           | <b>176,624,430,137</b> | <b>11,169,061,892</b> | <b>53,059,145,349</b> | -                  | <b>240,852,637,378</b> |
| Chi phí bộ phận                                                                                                       | (160,091,397,798)      | (10,440,320,773)      | (49,204,959,817)      | -                  | (219,736,678,388)      |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                                                       | 16,533,032,339         | 728,741,119           | 3,854,185,532         | -                  | 21,115,958,990         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                                                                                | -                      | -                     | -                     | -                  | (7,044,777,213)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                                                     | -                      | -                     | -                     | -                  | 14,071,181,777         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                                                         | -                      | -                     | -                     | -                  | 14,115,611,113         |
| Chi phí tài chính                                                                                                     | -                      | -                     | -                     | -                  | (10,901,306,661)       |
| Thu nhập khác                                                                                                         | -                      | -                     | -                     | -                  | 2,256,597,894          |
| Chi phí khác                                                                                                          | -                      | -                     | -                     | -                  | (850,564,513)          |
| Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh                                                                   | -                      | -                     | -                     | -                  | -                      |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                                                          | -                      | -                     | -                     | -                  | (5,045,842,778)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                                                           | -                      | -                     | -                     | -                  | 23,378,225             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                                                       | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>           | <b>13,669,055,057</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>           | <b>1,772,842,983</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                                                     | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>           | <b>6,142,617,212</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>              | <b>-</b>           | <b>-</b>               |

*Betruon*

Bùi Xuân Tường  
Người lập bảng

*Trần Anh Phương*

Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH**  
M.S.D.N.03.014727  
Q. BÌNH THẠNH  
Nguyễn Văn Khải  
Tổng Giám đốc